

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
A
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 109/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26-8-2025
V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN A, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chính

Bà Hồ Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phụng Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân A, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân A, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 99/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXX-ST ngày 12 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ (Vũ) Thị L, sinh năm 1975 (yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện ngày 18/3/2025 bà Vũ Thị L trình bày:***

Bà L và ông T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 22/8/2004. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong lối sống, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà L và ông T không còn chung sống với nhau. Vì vậy, bà L yêu cầu ly hôn với ông T.

Thời gian chung sống bà L và ông T có con chung tên Trần Thanh N, sinh năm 2000 và Trần Thanh Ng, sinh năm 2004. Hiện con chung đã trưởng thành nên

theo ai người đó nuôi dạy; tài sản chung bà L và ông T tự thỏa thuận; nợ chung không có nên bà L không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Vũ Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh T. Do ông bà chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông T có địa chỉ cư trú tại ấp 5, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân A, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ L giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có văn bản ý kiến về yêu cầu của bà L và vắng mặt tại các lần xét xử không có L do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bà L có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 22/8/2004. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà L yêu cầu ly hôn với ông T. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông T vắng mặt tại phiên hòa giải, xét xử không có L do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử L cho bà Vũ Thị L và ông Trần Thanh T được ly hôn.

[4] Thời gian chung sống bà L và ông T có con chung tên Trần Thanh N, sinh năm 2000 (giới tính nam) và Trần Thanh Ng, sinh năm 2004 (giới tính nam). Do con chung đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu giải quyết là có cơ sở. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định thời gian chung sống ông bà có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Vũ Thị L và ông Trần Thanh T được ly hôn.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Vũ Thị L phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 18 tháng 3 năm 2025 bà L có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0016981 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

3. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã TL;
- VKSND A;
- Chi cục THADS A;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Kiều Trang